
**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
ĐÔ THỊ QUY NHƠN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015	10
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2015	11 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn tiền thân là Công ty TNHH Môi trường Đô thị Quy Nhơn - Doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100298570 ngày 16 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: 34.271.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 40 Phan Bội Châu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Điện thoại : (84 - 056) 3 822 545
Fax : (84 - 056) 3 826 609
Mã số thuế : 4 1 0 0 2 9 8 5 7 0

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp quản lý và chế biến rác thải - Chi nhánh Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn	Thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Đội dịch vụ vận tải - Sửa chữa ô tô	Số 40 Phan Bội Châu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Đội quản lý nghĩa trang và dịch vụ mai táng	Khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Vệ sinh môi trường, thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt;
- Thu gom, vận chuyển rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Quét dọn và phun nước rửa đường. Dịch vụ vệ sinh trung tâm thương mại, văn phòng, trường học và các hộ gia đình;
- Xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải, xử lý chất thải y tế;
- Thông hút hầm cầu, hút bể phốt. Hút và xử lý bùn thải. Dịch vụ cho thuê nhà vệ sinh di động;
- Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý nghĩa trang và dịch vụ tang lễ;
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm dịch vụ vệ sinh môi trường, các sản phẩm chế biến từ rác và vật liệu xây dựng;
- Sản xuất và sửa chữa thiết bị chuyên dùng môi trường;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống xử lý chất thải rắn;
- Lắp đặt công trình điện chiếu sáng và điện công nghiệp;
- Tư vấn lập dự án đầu tư; tư vấn quản lý và điều hành dự án; tư vấn lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu; tư vấn thẩm định kết quả đấu thầu;
- Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo quan trắc, giám sát môi trường, đề án bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư, lập hồ sơ cấp phép xả thải, lập hồ sơ cấp phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại; Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực môi trường;
- Tổ chức cứu hộ, cứu nạn trên bãi biển Quy Nhơn; quản lý hệ thống ngư cụ phòng tránh cá nhám; quản lý khu neo đậu thuyền;
- Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 23).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 04 tháng 01 năm 2016, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Nguyễn Tấn Nghĩa làm Phó Giám đốc Công ty.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Nên Danh	Chủ tịch	08 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	08 tháng 12 năm 2014
Ông Lê Dương Học	Thành viên	08 tháng 12 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Minh Vinh	Thành viên	08 tháng 12 năm 2014
Bà Trần Thị Trâm Anh	Thành viên	08 tháng 12 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng ban	08 tháng 12 năm 2014
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên	08 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên	08 tháng 12 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Nên Danh	Giám đốc	16 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	16 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Văn Hoan	Phó Giám đốc	16 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Tường	Phó Giám đốc	16 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Tấn Nghĩa	Phó Giám đốc	04 tháng 01 năm 2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, GS-Audit bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công tác kiểm toán cho Công ty.

XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc,

NGUYỄN NÊN DANH
Giám đốc

Bình Định, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 14 tháng 3 năm 2016 từ trang 07 đến trang 23 kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

CƠ SỞ Ý KIẾN NGOẠI TRỪ

Công ty chưa tiến hành điều chỉnh hồi tố khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán nợ vay cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định phát sinh từ các năm trước với số tiền là 1.436.556.395 VND. Nếu được hạch toán phù hợp thì chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và Chi phí trả trước dài hạn tại thời điểm đầu năm và cuối năm giảm lần lượt là 1.077.417.296 VND, 359.139.099 VND và 1.436.556.395 VND (Xem Thuyết minh số V.11).

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến ngoại trừ", Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit),

Nguyễn Quang Toàn - Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1057-2013-169-1

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

Lê Nhật Linh - Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3234-2015-169-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.390.709.500	32.448.139.138	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	20.745.298.423	14.356.926.127	
1. Tiền	111		15.624.856.394	9.356.926.127	
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.120.442.029	5.000.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	5.000.000.000	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.875.789.489	15.300.381.818	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	20.180.673.326	14.807.436.480	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		192.300.000	-	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	502.816.163	492.945.338	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-	
IV. Hàng tồn kho	140		2.667.634.627	2.434.654.126	
1. Hàng tồn kho	141	V.05	2.667.634.627	2.434.654.126	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		101.986.961	356.177.067	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	19.292.452	143.469.064	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		82.694.509	114.917.506	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	97.790.497	
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.187.969.725.499	124.154.256.766	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		65.139.248	843.999.314	
Phải thu dài hạn khác	216	V.07	65.139.248	843.999.314	
II. Tài sản cố định	220		1.176.767.544.700	119.146.141.746	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.174.835.536.781	118.035.290.250	
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.295.374.871.906</i>	<i>140.279.073.974</i>	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(120.539.335.125)</i>	<i>(22.243.783.724)</i>	
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	1.932.007.919	1.110.851.496	
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>2.357.758.133</i>	<i>1.220.758.133</i>	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(425.750.214)</i>	<i>(109.906.637)</i>	
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.700.485.156	2.533.837.000	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	9.700.485.156	2.533.837.000	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.436.556.395	1.630.278.706	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.436.556.395	1.630.278.706	
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.237.360.434.999	156.602.395.904	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		<u>38.415.957.329</u>	<u>27.098.673.669</u>
I. Nợ ngắn hạn	310		26.508.159.197	13.565.747.683
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.770.652.856	845.779.990
2. Người mua trả tiền trước	312		4.998.536	10.478.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.428.512.411	-
4. Phải trả người lao động	314	V.14	7.934.694.612	4.019.008.490
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		93.050.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.161.237.561	396.591.778
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	1.010.869.008	932.557.108
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	13.104.144.213	7.361.331.417
II. Nợ dài hạn	330		11.907.798.132	13.532.925.986
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.18	283.128.811	309.193.811
2. Phải trả dài hạn khác	337		176.177.919	324.630.761
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	11.448.491.402	12.899.101.414
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		<u>1.198.944.477.670</u>	<u>129.503.722.235</u>
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	34.620.407.262	36.702.760.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		34.271.000.000	34.271.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		34.271.000.000	34.271.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	349.407.262	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
4. Nguồn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.20	-	2.431.760.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.164.324.070.408	92.800.962.235
1. Nguồn kinh phí	431		(1.960.617.198)	(53.915.463)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.21	1.166.284.687.606	92.854.877.698
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		<u>1.237.360.434.999</u>	<u>156.602.395.904</u>

Bình Định, ngày 14 tháng 3 năm 2016

TRẦN THỊ TRÂM ANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN NÊN DANH
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	91.775.055.782	68.330.087.989
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	91.775.055.782	68.330.087.989
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	81.938.144.983	62.878.603.433
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.836.910.799	5.451.484.556
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	840.560.847	711.827.102
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	44.820.776	23.183.006
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44.820.776	23.183.006
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	15.061.360	69.810.444
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	6.118.316.225	5.777.958.586
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.499.273.285	292.359.622
11. Thu nhập khác	31		52.390.914	34.112.410
12. Chi phí khác	32		39.924.802	9.712.836
13. Lợi nhuận khác	40		12.466.112	24.399.574
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.511.739.397	316.759.196
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.13	992.666.781	69.687.024
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.519.072.616	247.072.172
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	309	-

Bình Định, ngày 14 tháng 3 năm 2016

TRẦN THỊ TRÂM ANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN NÊN DANH
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.511.739.397	316.759.196
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.08, V.09	5.561.100.850	4.058.592.598
- Lãi, lỗ chênh lệch TGHD do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.03	(391.021.004)	(573.059.782)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.03	(269.483.697)	(41.069.444)
- Chi phí lãi vay	06	VI.04	44.820.776	23.183.006
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.457.156.322	3.784.405.574
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.546.092.082)	6.342.207.165
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(232.980.501)	1.091.158.601
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.895.832.592	(2.941.598.128)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		317.898.923	305.875.414
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.04	(44.820.776)	(23.183.006)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(645.648.164)	(115.233.010)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.112.830.881	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.596.672.009)	(796.959.387)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20		21.717.505.186	7.646.673.223
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.587.072.156)	-
2. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27		149.041.668	41.069.444
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30		(14.438.030.488)	41.069.444
III. Lưu chuyển tiền từ HĐ tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	1.510.300.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16, V.19	(891.102.402)	(1.069.440.190)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40		(891.102.402)	440.859.810
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.388.372.296	8.128.602.477
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	14.356.926.127	6.228.323.650
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi NT	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	20.745.298.423	14.356.926.127

Bình Định, ngày 14 tháng 3 năm 2016

TRẦN THỊ TRÂM ANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN NÊN DANH
Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh :

- Vệ sinh môi trường, thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt;
- Thu gom, vận chuyển rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Quét dọn và phun nước rửa đường. Dịch vụ vệ sinh trung tâm thương mại, văn phòng, trường học và các hộ gia đình;
- Xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải, xử lý chất thải y tế;
- Thông hút hầm cầu, hút bể phốt. Hút và xử lý bùn thải. Dịch vụ cho thuê nhà vệ sinh di động;
- Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý nghĩa trang và dịch vụ tang lễ;
- Tư vấn lập dự án đầu tư; tư vấn quản lý và điều hành dự án; tư vấn lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu; tư vấn thẩm định kết quả đấu thầu;
- Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo quan trắc, giám sát môi trường, đề án bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư, lập hồ sơ cấp phép xả thải, lập hồ sơ cấp phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại; Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực môi trường;
- Tổ chức cứu hộ, cứu nạn trên bãi biển Quy Nhơn; quản lý hệ thống ngư cụ phòng tránh cá nhám; quản lý khu neo đậu thuyền;
- Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

4. Người lao động

Số lượng người lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 634 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng năm tài chính bắt đầu từ ngày 16 tháng 12 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là năm tài chính đầu tiên của Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Số liệu so sánh từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 15 tháng 12 năm 2014.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được thành lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 - 10
Tài sản cố định khác	5 - 8

Riêng hao mòn của tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp (tài sản cố định khác) được hạch toán giảm nguồn hình thành nên tài sản đó.

5. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Thời gian khấu hao 50 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

Tài sản khác

Chi phí thực tế phát sinh để nhà máy xử và chế biến rác đi vào hoạt động. Khấu hao theo thời gian trả nợ gốc vay.

Tài sản do ngân sách cấp để thực hiện các hoạt động công cộng. Thời gian khấu hao của tài sản là 8 năm.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng, cải tạo nhà làm việc được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí khác

Chi phí khác là chênh lệch tỷ giá thanh toán tiền chi trả nợ vay cho dự án nhà máy chế biến và xử lý rác thải chưa được phân bổ vào kết quả kinh doanh.

9. Vốn chủ sở hữu - quỹ

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo quy định Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào (đối với tài sản) và tỷ giá bán ra (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2015:

<i>Ngoại tệ</i>	<i>Tỷ giá mua</i>	<i>Tỷ giá bán</i>
EUR	24.478 VND/USD	24.731 VND/USD

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm

Khi bán thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VIII.01.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	250.289.809	395.547.790
Tiền gửi ngân hàng	15.374.566.585	8.961.378.337
Các khoản tương đương tiền (*)	5.120.442.029	5.000.000.000
Cộng	<u>20.745.298.423</u>	<u>14.356.926.127</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 6,5%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty	19.868.423.326	14.505.624.730
Phải thu khách hàng của Xí nghiệp quản lý và chế biến rác thải	-	76.637.750
Phải thu khách hàng của Đội dịch vụ vận tải	10.450.000	13.615.000
Phải thu khách hàng của Đội quản lý nghĩa trang và dịch vụ môi trường	301.800.000	211.559.000
Cộng	<u>20.180.673.326</u>	<u>14.807.436.480</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	5.338.669	309.429.903
Phải thu Phòng Quản lý Đô thị TP. Quy Nhơn	109.436.406	-
Phải thu tạm ứng	306.410.813	157.634.100
Phải thu khác	81.630.275	25.881.335
Cộng	<u>502.816.163</u>	<u>492.945.338</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu	415.077.229	136.292.184
Công cụ, dụng cụ	181.694.784	160.454.222
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.993.004.077	1.838.934.244
Thành phẩm	5.138.099	247.116.056
Hàng hóa	72.720.438	51.857.420
Cộng	<u>2.667.634.627</u>	<u>2.434.654.126</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Số đầu năm	143.469.064
Tăng trong năm	144.212.780
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(268.389.392)
Số cuối năm	19.292.452

7. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền ký quỹ	3.000.000	3.000.000
Phải thu khác	62.139.248	840.999.314
Cộng	65.139.248	843.999.314

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	16.121.151.702	38.301.758.074	54.573.867.717	162.400.000	31.119.896.481	140.279.073.974
Tăng trong năm	265.488.567.600	64.269.081.560	11.512.081.334	3.292.365.000	810.533.702.438	1.155.095.797.932
<i>Ngân sách cấp</i>	<i>263.078.418.600</i>	<i>64.269.081.560</i>	<i>11.501.806.334</i>	<i>3.292.365.000</i>	<i>810.533.702.438</i>	<i>1.152.675.373.932</i>
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	<i>2.410.149.000</i>	-	<i>10.275.000</i>	-	-	<i>2.420.424.000</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	281.609.719.302	102.570.839.634	66.085.949.051	3.454.765.000	841.653.598.919	1.295.374.871.906
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	47.472.000	240.000.000	342.546.600	-	-	630.018.600
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	3.120.470.019	7.617.307.533	11.454.414.777	14.021.669	37.569.726	22.243.783.724
Tăng trong năm	13.286.433.622	4.850.652.826	8.503.982.861	240.109.754	71.414.372.338	98.295.551.401
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>1.019.216.375</i>	<i>193.369.090</i>	<i>4.195.829.569</i>	<i>7.968.750</i>	-	<i>5.416.383.784</i>
<i>Hao mòn tăng do ngân sách cấp</i>	-	<i>166.581.316</i>	<i>2.738.364.832</i>	-	-	<i>2.904.946.148</i>
<i>Hao mòn tài sản ngân sách</i>	<i>12.267.217.247</i>	<i>4.490.702.420</i>	<i>1.569.788.460</i>	<i>232.141.004</i>	<i>71.414.372.338</i>	<i>89.974.221.469</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	16.406.903.641	12.467.960.359	19.958.397.638	254.131.423	71.451.942.064	120.539.335.125
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.000.681.683	30.684.450.541	43.119.452.940	148.378.331	31.082.326.755	118.035.290.250
Số cuối năm	265.202.815.661	90.102.879.275	46.127.551.413	3.200.633.577	770.201.656.855	1.174.835.536.781

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 9.867.930.000 VND và 7.063.888.550 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Định (Xem Thuyết minh số V.19).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	80.362.000	148.100.000	992.296.133	1.220.758.133
<i>Ngân sách cấp</i>	-	<i>1.137.000.000</i>	-	<i>1.137.000.000</i>
Số cuối năm	80.362.000	1.285.100.000	992.296.133	2.357.758.133

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản khác	Cộng
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	5.759.291	8.484.887	95.662.459	109.906.637
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	143.430.440	1.286.626	144.717.066
<i>Hao mòn tài sản ngân sách</i>	8.036.200	101.818.644	-	109.854.844
<i>Hao mòn tăng do ngân sách cấp</i>	-	61.271.667	-	61.271.667
Số cuối năm	13.795.491	315.005.638	96.949.085	425.750.214
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	74.602.709	139.615.113	896.633.674	1.110.851.496
Số cuối năm	66.566.509	970.094.362	895.347.048	1.932.007.919

10. Tài sản dở dang dài hạn**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	60.506.636	(10.275.000)	-	50.231.636
XDCB dở dang	2.533.837.000	9.874.671.520	(2.410.149.000)	(348.106.000)	9.650.253.520
<i>Công trình bãi chôn lấp rác cũ</i>	-	3.065.210.000	-	-	3.065.210.000
<i>Công trình bãi chôn lấp chất thải bột đá</i>	-	2.067.902.000	(2.067.902.000)	-	-
<i>Công trình KDC và dịch vụ phía Bắc hồ sinh thái</i>	6.278.000	-	-	(6.278.000)	-
<i>Công trình hệ thống thu nước mặt</i>	-	2.196.000	-	-	2.196.000
<i>Công trình nhà làm việc đội KTVS và CHBB QN</i>	-	333.977.000	(333.977.000)	-	-
<i>Nhà làm việc khu neo đậu tàu thuyền</i>	-	2.019.000	(2.019.000)	-	-
<i>Nghĩa trang khu vực 8 phường Bửu Thị Xuân</i>	2.527.559.000	7.902.520	-	-	2.535.461.520
<i>Nạo vét lòng hồ hồ sinh thái Đống Đa</i>	-	4.047.296.000	-	-	4.047.296.000
<i>Sửa chữa, cải tạo hệ thống phao tiêu</i>	-	341.828.000	-	(341.828.000)	-
<i>Công trình tường rào cổng ngõ Công ty</i>	-	6.251.000	(6.251.000)	-	-
<i>Công trình xây lắp nghĩa trang</i>	-	90.000	-	-	90.000
Sửa chữa TSCĐ	-	-	-	-	-
Cộng	2.533.837.000	9.935.178.156	(2.420.424.000)	(348.106.000)	9.700.485.156

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	114.920.833
Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng làm việc	-	78.801.478
Chênh lệch tỷ giá thanh toán khoản vay cho dự án nhà máy xử lý rác thải	1.436.556.395	1.436.556.395
Cộng	1.436.556.395	1.630.278.706

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp của Văn phòng Công ty	1.770.652.856	822.168.790
Các nhà cung cấp khác	-	23.611.200
Cộng	1.770.652.856	845.779.990

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số đầu năm (*)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(34.392.056)	6.998.507.680	(5.852.969.583)	1.111.146.041
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(40.865.427)	992.666.781	(645.648.164)	306.153.190
Thuế thu nhập cá nhân	(22.533.014)	33.746.194	-	11.213.180
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		81.816.375	(81.816.375)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	(97.790.497)	8.110.737.030	(6.584.434.122)	1.428.512.411

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở khoản mục Thuế và các khoản phải thu nhà nước (Mã số 153).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số IV.10.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.511.739.397	316.759.196
Các khoản điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	382.333	-
	<u>382.333</u>	<u>-</u>
Tổng thu nhập tính thuế	4.512.121.730	316.759.196
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	992.666.781	69.687.024

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	18.295.870	179.544.108
Phải trả về cổ phần hóa	-	44.947.755
Cổ tức phải trả cổ đông	685.420.000	-
Phải trả phải nộp khác	457.521.691	172.099.915
Cộng	1.161.237.561	396.591.778

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh V.19).

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	932.557.108
Kết chuyển từ vay dài hạn	1.010.869.008
Số tiền đã trả trong năm	(842.382.402)
Chênh lệch tỷ giá	(90.174.706)
Số cuối năm	1.010.869.008

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiêu	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Tăng khác	Chi trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.430.908.601	1.991.988.737	5.112.830.881	(1.182.130.000)	7.353.598.219
Quỹ phúc lợi	5.762.212.317	245.924.535	-	(360.188.940)	5.647.947.912
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	168.210.499	221.332.082	-	(286.944.499)	102.598.082
Cộng	7.361.331.417	2.459.245.354	5.112.830.881	(1.829.263.439)	13.104.144.213

18. Phải trả dài hạn người bán

Khoản phải trả người bán của Văn phòng Công ty.

19. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Bình Định (VND) ^(a)	7.571.913.334	7.770.040.000
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Bình Định (EUR) ^(b)	3.876.578.068	5.129.061.414
Cộng	11.448.491.402	12.899.101.414

(a) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Bình Định từ nguồn vốn ODA để xây dựng, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hạng mục 3 - Quản lý chất thải rắn của Tiểu dự án vệ sinh môi trường TP. Quy Nhơn, thuộc Dự án vệ sinh môi trường cho các thành phố Duyên hải Việt Nam. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay (Xem Thuyết minh số V.08). Các khoản vay này bao gồm:

- Khoản vay 730.800.000 VND theo Quyết định số 1580/QĐ-CTUBND ngày 03/7/2009 của UBND tỉnh Bình Định. Thời hạn vay 20 năm, thời gian ân hạn 5 năm. Lãi suất 6,6 %/năm.
- Khoản vay 5.577.660.000 VND theo Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND tỉnh Bình Định.
- Khoản vay 1.510.300.000 VND theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND tỉnh Bình Định.

(b) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Bình Định từ nguồn vốn ODA đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến rác thải. Thời hạn vay 16 năm, thời gian ân hạn 5 năm. Lãi suất cho vay 0%/năm. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu từ ngày 30/12/2010.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Bình Định (VND)	7.770.040.000	(149.406.666)	(48.720.000)	-	7.571.913.334
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Bình Định (EUR)	5.129.061.414	(861.462.342)	-	(391.021.004)	3.876.578.068
Cộng	12.899.101.414	(1.010.869.008)	(48.720.000)	(391.021.004)	11.448.491.402

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Ngôn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	34.271.000.000	-	2.431.760.000	-	36.702.760.000
Tăng vốn trong năm	-	-	9.390.887.000	-	9.390.887.000
Giảm vốn trong năm	-	-	(11.822.647.000)	-	(11.822.647.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.519.072.616	3.519.072.616
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(685.420.000)	(685.420.000)
Trích quỹ trong năm	-	349.407.262	-	(2.808.652.616)	(2.459.245.354)
Chi khác trong năm	-	-	-	(25.000.000)	(25.000.000)
Số dư cuối năm	34.271.000.000	349.407.262	-	-	34.620.407.262

Trong năm công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo kế hoạch được thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 08 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.427.100	3.427.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.427.100	3.427.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.427.100</i>	<i>3.427.100</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.427.100	3.427.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.427.100</i>	<i>3.427.100</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

10.000 VND/cổ phiếu

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Bổ sung vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của Hội đồng quản trị.

21. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	92.854.877.698
Nguồn kinh phí tăng trong năm	1.163.513.886.221
Nguồn kinh phí giảm trong năm (Hao mòn tài sản ngân sách)	(90.084.076.313)
Số cuối năm	1.166.284.687.606

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	91.775.055.782	68.330.087.989
<i>Doanh thu hoạt động kinh doanh</i>	<i>13.126.803.649</i>	<i>8.324.834.449</i>
<i>Doanh thu hoạt động công ích</i>	<i>65.528.624.058</i>	<i>56.520.992.191</i>
<i>Doanh thu hoạt động chế biến rác</i>	<i>282.989.988</i>	<i>2.761.261.349</i>
<i>Doanh thu hoạt động cứu hộ</i>	<i>884.470.768</i>	<i>723.000.000</i>
<i>Doanh thu hoạt động thoát nước</i>	<i>11.952.167.319</i>	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>91.775.055.782</u>	<u>68.330.087.989</u>

2. Giá vốn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động kinh doanh	12.356.024.274	7.999.454.891
Giá vốn hoạt động công ích	56.766.162.470	50.917.428.819
Giá vốn hoạt động chế biến rác	735.771.126	3.305.813.297
Giá vốn hoạt động cứu hộ	780.291.050	655.906.426
Giá vốn hoạt động thoát nước	11.299.896.063	-
Cộng	<u>81.938.144.983</u>	<u>62.878.603.433</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	89.881.440	38.696.536
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	269.483.697	41.069.444
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.174.706	59.001.340
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	391.021.004	573.059.782
Cộng	<u>840.560.847</u>	<u>711.827.102</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	31.958.904
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	581.360	1.569.169
Chi phí khác	14.480.000	36.282.371
Cộng	<u>15.061.360</u>	<u>69.810.444</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.626.351.627	3.657.405.207
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	754.333.178	702.754.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	183.624.965	146.401.961
Thuế, phí và lệ phí	84.816.375	102.426.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	301.818.441	205.904.528
Chi phí khác	1.167.371.639	963.065.197
Cộng	<u>6.118.316.225</u>	<u>5.777.958.586</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.519.072.616	247.072.172
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.459.245.354)	(247.072.172)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	(2.459.245.354)	(247.072.172)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.059.827.262	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>3.427.100</u>	<u>3.427.100</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>309</u>	<u>-</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.427.100	3.427.100
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>3.427.100</u>	<u>3.427.100</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.498.947.986	10.774.421.032
Chi phí nhân công	59.135.053.140	48.135.433.342
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.561.100.850	4.052.913.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.754.760.055	1.006.555.504
Chi phí khác	<u>3.054.615.431</u>	<u>3.346.180.277</u>
Cộng	<u>88.004.477.462</u>	<u>67.315.504.025</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Đơn vị tính: VND****Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Số tiền</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập vốn	120.442.029
Tài sản tăng do ngân sách cấp	<u>1.153.812.373.932</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		
Cổ tức phải trả	2.280.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nợ phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc (cổ tức)	2.280.000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp và bảo hiểm	1.640.441.999	1.314.500.000

2. Thông tin khác

Trong năm, Công ty tiến hành phân loại lại một số khoản mục liên quan đến báo cáo tài chính năm 2014 theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Đồng thời xử lý phần vốn góp trước thời điểm chuyển sang công ty cổ phần theo Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2014. Do đó, số liệu một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của năm trước được trình bày lại trong Báo cáo năm nay. Chi tiết như sau:

	<u>Mã số (cũ)</u>	<u>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</u>	<u>Mã số (mới)</u>	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u>
Phải thu ngắn hạn khác	135	335.311.238	136	492.945.338
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	143.982.889	151	143.469.064
Tài sản ngắn hạn khác	158	211.035.738	155	-
Nguồn kinh phí	431	-	431	53.915.463
Phải thu dài hạn khác	218	840.999.314	216	843.999.314
Tài sản dài hạn khác	268	3.000.000	268	-
Phải trả người bán ngắn hạn	312	3.945.842.990	311	845.779.990
Phải trả ngắn hạn khác	319	996.591.778	319	396.591.778
Vốn góp của chủ sở hữu	411	122.605.328.499	411	34.271.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	345.746.651	418	-
Quỹ dự phòng tài chính	418	134.802.548	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	-	421	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	2.771.697.000	422	2.431.760.000
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	432	92.854.877.698

Bình Định, ngày 14 tháng 3 năm 2016

TRẦN THỊ TRÂM ANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN NÊN DANH
Giám đốc